

TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐẾN LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI, DÂN TỘC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC

1. Một số điều ước quốc tế chủ yếu liên quan trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học công nghệ, giáo dục – đào tạo và các lĩnh vực khác.

Cũng như hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh, ở Việt Nam hội nhập quốc tế về lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học công nghệ, giáo dục – đào tạo, và các lĩnh vực khác (sau đây gọi chung là hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học – công nghệ, giáo dục đào tạo) được hội nhập sâu và không sâu rộng bằng hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo có thể được diễn đạt theo cách khác nhau, nhưng có thể nói một cách khái quát, hội nhập về văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học – công nghệ và giáo dục- đào tạo là quá trình mở cửa, trao đổi và hợp tác về lĩnh vực này với các quốc gia khác trên thế giới. Trên cơ sở đó, tiếp thu một cách chọn lọc, có định hướng văn hóa của nhân loại để làm giàu, phong phú văn hóa dân tộc; phát huy nền tảng tiến bộ xã hội, thúc đẩy tiến bộ trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách bình đẳng giữa các dân tộc; bảo đảm thực hiện tốt định hướng giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ phát triển đất nước; đồng thời, phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nhập quốc tế về các lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo có quy mô, phạm vi song phương, khu vực toàn cầu. Hội nhập ở lĩnh vực này đã có nền tảng từ trước đó với việc Việt Nam tham gia các điều ước quốc tế, như: Hiệp định về các trung tâm văn hóa giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp năm 2009, chương trình trao đổi văn hóa, giáo dục, nghiên cứu khoa học, thông tin đại chúng, thanh niên và thể thao giữa chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đại công quốc Lào năm 2005, ...; Trong khuôn khổ hội nhập khu vực về văn hóa, xã hội, khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo, Việt Nam đã thông qua Kế hoạch tổng thể Cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN (ASCC) tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14 năm 2009 tổ chức tại Thái Lan, tham gia các chương trình hợp tác, phát triển văn hóa xã hội, xây dựng cộng đồng văn hóa – xã hội trong ASEAN. Bên cạnh đó, ở góc

độ toàn cầu, Việt Nam thực hiện tốt hợp tác về văn hóa – xã hội trong khuôn khổ Hiến chương Liên hợp quốc, tham gia hoặc ký kết các điều ước quốc tế về văn hóa xã hội, ví dụ: Công ước của liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966, Bản ghi nhớ tác giữa Chính phủ Việt Nam và Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) giai đoạn 2010-2015 ký năm 2010.

Trong những năm gần đây, cùng với việc tuyên bố hội nhập văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, trong khuôn khổ song phương, Việt Nam cũng đã ký kết bổ sung nhiều điều ước quốc tế và tổ chức thực hiện nhiều chương trình về lĩnh vực này, ví dụ: Bản ghi nhớ giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Brunay Darutxalam về hợp tác giáo dục năm 2014, Thỏa thuận về hợp tác giáo dục và đào tạo giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ôxtraylia năm 2013, Biên bản thỏa thuận kỳ họp thứ 15 Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật giữa Việt Nam và Ấn Độ năm 2013, Hiệp định về Chương trình phát triển trong lĩnh vực văn hóa giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đan Mạch năm 2011, v.v..., đặc biệt, hiện tại Việt Nam đang cùng các quốc gia trong ASEAN đẩy nhanh quá trình hoàn thành việc xây dựng Cộng đồng văn hóa – xã hội trong ASEAN.

Bên cạnh hội nhập về văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và giáo dục, đào tạo thông qua ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế có nội dung hợp tác, trao đổi văn hóa, xã hội với các quốc gia khác, thì hợp tác quốc tế trước đây và hội nhập văn hóa, xã hội, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo hiện nay còn thông qua việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế thương mại liên quan đến sản phẩm, dịch vụ văn hóa, xã hội, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và các quốc gia khác (các hiệp định trong WTO, các hiệp định thương mại và hiệp định thương mại tự do).

Hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam về văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo và các lĩnh vực khác cũng tác động sâu sắc đến hệ thống văn bản luật điều chỉnh lĩnh vực này thông qua việc nội luật hóa các cam kết quốc tế của Việt Nam về cùng lĩnh vực hay việc các cơ quan nhà nước ban hành các quy định pháp luật xuất phát từ nhu cầu nội tại của Việt Nam trong điều chỉnh pháp luật nhằm phát triển văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, v.v...

2. Tác động của hội nhập quốc tế đến văn bản pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo

Hội nhập quốc tế về văn hóa, tư tưởng thể hiện trong các văn bản pháp luật là tạo khung pháp lý thuận lợi cho việc thiếp thu giá trị văn hóa nhân loại để làm giàu hơn văn hóa Việt Nam, trên cơ sở bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Như đã phân tích ở trên thì, trước đây, mặc dù Đảng và Nhà nước ta chưa tuyên bố một cách chính thức hội nhập quốc tế toàn diện, trong đó có hội nhập về văn hóa, nhưng việc mở rộng hợp tác, giao lưu văn hóa với thế giới đã được xác định trong các văn bản pháp luật liên quan kèm theo các nguyên tắc cơ bản trong hợp tác quốc tế ở các lĩnh vực này. Điều 31 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001, quy định: “Nhà nước tạo điều kiện để công nhân phát triển toàn diện, giáo dục ý thức công dân, sống và làm theo Hiến pháp và pháp luật, giữa gìn thuần phong mỹ tục, xây dựng gia đình có văn hóa, hạnh phúc, có tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, có tinh thần quốc tế chân chính, đề Nghị và hợp tác với các dân tộc trên thế giới “. Điều 63 và Điều 4 Luật di sản văn hóa năm 2001 sửa đổi ,bổ sung năm 2009 quy định rõ việc khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa .Theo đó,”Nhà nước có chính sách và biện pháp đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các nước ,tổ chức,cá nhân nước ngoài trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia,bình đẳng và các bên cùng có lợi,phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam ký kết hoặc tham gia,góp phần phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới ,tăng cường hợp tác hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc”và” Nhà nước khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức ,cá nhân nước ngoài tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa giá trị di sản văn hóa Việt Nam theo quy định của pháp luật”.Cũng theo các văn bản luật và các văn bản hướng dẫn những văn bản nêu trên,Việt Nam cũng mở cửa để cho phép các nhân tổ chức nước ngoài cung cấp một số dịch vụ liên quan đến văn hóa tại Việt Nam,như : dịch vụ giải trí,văn hóa, và thể thao.

Trong những hoạt động khác thuộc lĩnh vực văn hóa, các văn bản trong nước cũng thể hiện nhất quán tư tưởng hợp tác quốc tế mạnh mẽ. Ví dụ: chính sách của nhà nước ta về phát triển điện ảnh xác định: Việt Nam đầu tư xây dựng nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến,đậm đà bản sắc dân tộc ,hiện đại hóa công nghiệp điện ảnh, nâng cao chất lượng phim,đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần

ngày càng cao của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu văn hóa giữa các nước (Điều 5 Luật điện ảnh năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đây là lĩnh vực được phát luật trong nước Việt Nam quy định mở cửa cho nước ngoài theo các cam kết quốc tế về các dịch vụ nghe nhìn.

Sau khi Việt Nam có chủ trương chính thức hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội thì tính mở trong lĩnh vực này để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại được thể hiện rõ nét hơn và tiếp tục được bổ sung trong pháp luật Việt Nam. Điều 60 Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

2. Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân”.

Các văn bản pháp luật dưới Hiến pháp cũng thể hiện khá sâu sắc tinh thần hội nhập ở lĩnh vực văn hóa. Khoản 4 Điều 5 Luật Thủ đô năm 2012 quy định:” Chủ động tích cực mở rộng quan hệ, hợp tác hữu nghị với thủ đô các nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng, phát triển thủ đô; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan tổ chức, Nhân dân Thủ đô tham gia các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ. Đối với lĩnh vực đầu tư công. Luật đầu tư công năm 2014 cũng quy định một trong những dự án được xếp loại dự án nhóm A là những dự án có tổng mức đầu tư 800 tỉ đồng trở nên thuộc lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục, nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình, du lịch, thể dục – thể thao.

Với lĩnh vực báo chí và xuất bản, Nhà nước ta cũng có chủ trương rõ ràng liên quan đến hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế. Theo đó từ năm 1999, Nhà nước ta mở rộng quan hệ quốc tế trong hoạt động báo chí theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, quốc gia, bình đẳng các bên cùng có lợi (Điều 7b Luật báo chí năm 1989 sửa đổi, bổ sung năm 1999), nhưng đến năm 2012, Nhà nước

ta khẳng định nguyên tắc hỗ trợ mua bản quyền đối với tác phẩm nước ngoài có giá trị phục vụ, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (điểm c khoản 2 điều 7 Luật xuất bản năm 2012)

Đối với lĩnh vực về vấn đề dân tộc, pháp luật Việt Nam quy định sự bình đẳng giữa các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam. Bên cạnh đó, quy định các biện pháp khuyến khích, ưu đãi để tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số, các dân tộc sống lại vùng có điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội khó khăn vươn lên cùng các dân tộc anh em khác. Các bản hiến pháp của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử đều thể hiện rõ vấn đề này. Hiến pháp năm 2013 xác định chính sách dân tộc của Việt Nam với quy định:

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị chia rẽ dân tộc

Ngôn ngữ quốc gia là Tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy phát nội lực, cùng phát triển với đất nước (Điều 5).

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42).

Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (Điều 59).

Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hóa và học nghề (Khoản 3 Điều 61).

Dưới Hiến pháp, các luật, văn bản dưới luật đều thể hiện nhất quán chính sách dân tộc được nêu trong Hiến pháp và cũng phản ánh tư duy từ việc khẳng định phát triển hợp tác quốc tế đến chủ trương hội nhập quốc tế trong lĩnh vực

hội nhập nhân tộc. Luật đầu tư năm 2005 quy định việc ưu đãi đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Điều 28) với mục đích phát triển các vùng này, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân sinh sống tại đó mà thường là dân tộc ít người. Luật đầu tư năm 2014 tiếp tục khẳng định việc ưu đãi đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Điều 16). Điều 20 Luật việc làm năm 2013 quy định: Người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, thân nhân của người có nhu cầu đi là việc ở nước ngoài theo hợp đồng của Nhà nước hỗ trợ: học nghề, ngoại ngữ, hiểu hết phong tục tập quán, pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận lao động; đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, để đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động; vay vốn với lãi suất ưu đãi.

Các luật văn bản dưới luật trong các lĩnh vực đều quy định quyền bình đẳng (trong đó có tính đến ưu tiên có điều kiện khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số ở việc tiếp cận, sử dụng các quyền, hưởng các lợi ích trên tất cả các lĩnh vực). Ở các lĩnh vực này cũng cho thấy sự phát triển rõ nét, thể hiện, quan điểm từ hợp tác quốc tế về dân tộc lên mức có hội nhập kinh tế về dân tộc. Nếu như các luật liên quan thời kỳ trước năm 2011 còn thể hiện là những quy định cơ bản liên quan đến hợp tác quốc tế để tạo điều kiện tốt hơn cho việc thực hiện chính sách dân tộc (như các quy định tại luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009, Luật thuế thu thập doanh nghiệp năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2013, năm 2014), thì đến luật giáo dục đại học năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2014 cập nhật xuất bản năm 2012, Luật tài nguyên nước năm 2012, Luật đất đai năm 2013 và nhiều luật, văn bản dưới luật khác được ban hành sau 2011 có quy định thể hiện mạnh mẽ hơn, mang yếu tố là những cơ sở pháp lý cho hội nhập quốc tế để phát triển các lĩnh vực được điều chỉnh trong văn bản đó. Theo đó, hội nhập quốc tế có nội dung và các vấn đề liên quan đến dân tộc chính sách dân tộc, chính sách dân tộc ở lĩnh vực đó.

Trước đây, khi chưa có chủ trương hội nhập toàn diện, trong đó có lĩnh vực về dân tộc, thì các văn bản chuyên ngành về lĩnh vực dân tộc cũng đã quy định nghĩa vụ thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ví dụ: Điều 21 Quy chế hoạt động của hội đồng dân tộc ban hành năm 1990 quy định: Hội đồng dân tộc thực hiện quan hệ đối ngoại với tổ chức hữu quan của Quốc hội các nước, với tổ chức quốc tế nhằm nghiên

cứu, trao đổi kinh nghiệm góp phần tăng cường quan hệ và hợp tác quốc tế theo chính sách đối ngoại của Nhà nước. Đến quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội ban hành kèm theo nghị Quyết số 27/2004/NQ-QH11 ngày 15-06-2004 của Quốc hội, thì nhiệm vụ hợp tác quốc tế được đề cập tại Điều 38, theo đó: Hội đồng dân tộc, Ủy ban của quốc hội quyết định và tổ chức chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của mình, kiến nghị với các cơ quan hữu quan về các vấn đề tổ chức và hoạt động đối ngoại thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách.

Sau khi có chủ trương định hướng chính thức của Đảng về hội nhập quốc tế toàn diện, trong đó lĩnh vực dân tộc, các văn bản pháp luật liên quan đã thể hiện rõ hơn về nghĩa vụ thực hiện hội nhập ở lĩnh vực này của các cơ quan nhà nước. Luật tổ chức quốc hội năm 2014 quy định: Hội đồng dân tộc có thẩm quyền tương đối rộng trong quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế (Điều 84). Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12-10-2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc tại khoản 22 Điều 2 quy định: Ủy ban dân tộc có nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của nhà nước của Ủy ban dân tộc theo quy định của pháp luật, phối hợp với các tổ chức cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác dân tộc, thu hút nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; quản lý, chỉ đạo hoặc tham gia thực hiện các chương trình, dự án do nước ngoài tổ chức quốc tế, đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, ngay từ những năm đầu của thế kỉ XXI, Việt Nam đã có những văn bản pháp luật, trong đó đề ra chủ trương mang tính hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Điều 61 Hiến pháp năm 2013 quy định các quy định cơ bản trong việc phát triển lĩnh vực này đó là:

“1. Phát triển giáo dục là quốc gia hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn lực, bồi dưỡng nhân tài.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn lực đầu tư khác cho giáo dục, chăm lo giáo dục mầm non; đảm bảo giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà trường không thu học phí; từng nước phổ cập giáo dục trung học, phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý.

3. Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hóa và học nghề “

Tại Nghị quyết số 37/2004/NQ-NH1 ngày 03-12-2004 của Quốc hội về giáo dục đã khẳng định rõ quan điểm hợp tác quốc tế về giáo dục, theo đó: Quốc hội ghi nhận những thành tựu của giáo dục, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục, mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiếp cận với trình độ giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới. Nghiên cứu điều chỉnh chiến lược giáo dục đến năm 2010 và xây dựng chiến lược giáo dục dài hạn cho những năm tiếp theo.

Các năm tiếp theo đó, pháp luật Việt Nam khuyến khích việc hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với tổ chức, cá nhân nước ngoài; tạo điều kiện tốt cho việc tham gia giảng dạy chuyên gia, giảng viên nước ngoài hoặc chuyên gia là người Việt Nam định cư nước ngoài yêu nước, có uy tín, trình độ tham gia giảng dạy tại Việt Nam; Khuyến khích cử người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức và trình độ đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài về những ngành nghề và lĩnh vực then chốt và quy định hợp tác trong việc công nhận văn bằng nước ngoài (Điều 107, Điều 108, Điều 109 và Điều 110 Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009). Liên quan đến giáo dục đại học, Việt Nam cũng chủ trương hội nhập để nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; tạo điều kiện để cơ sở giáo dục đại học phát triển bền vững, đào tạo nguồn lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó, Việt Nam cho phép nhiều hình thức hợp tác, liên kết đào tạo đại học ngoài (Điều 43, Điều 44, Điều 45 và Điều 46 Luật giáo dục đại học năm 2012). Đồng thời, các luật này cũng cho phép mở ra việc cho phép thành lập liên doanh hoặc cơ sở đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, ngày 09-6-2014 Chính phủ ban hành nghị quyết số 44-NQ/CP ban hành chương trình hành động của Chính phủ nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế, thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó xác định nội dung về

hội nhập giáo dục và đào tạo, phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt đến trình độ tiên tiến trong khu vực. Để thực hiện được mục tiêu này, Chính phủ đã đề ra các giải pháp sau:

Thứ nhất, về tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và hành động, trong triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo:

a) Các Bộ, ngành, địa phương, trước hết là ngành Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan báo chí chủ động tổ chức việc học tập và thường xuyên tuyên truyền giải thích các nội dung của nghị quyết số 29-NQ/TW, tập trung vào các nội dung:

- Quan điểm chỉ đạo nhiệm vụ, giải pháp các kết quả, kinh nghiệm phát triển giáo dục và đào tạo của cả nước, của các địa phương;

- Trách nhiệm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, các gia đình trong việc tích cực thực hiện xã hội hóa giáo dục. Tham gia các nguồn lực phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong cơ chế định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, xã hội học tập và học tập suốt đời;

- Biểu dương người tốt việc tốt trong các hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

b) Các cơ quan báo chí đổi mới nội dung, hình thức, cơ chế phối hợp để có sự thống nhất và đạt hiệu quả trong hoạt động thông tin và truyền thông. Mở kênh phát thay truyền hình giáo dục, đào tạo và dạy nghề nhằm tăng cường tuyên truyền về đổi mới nội dung hình thức, phương pháp, giáo dục và dạy nghề.

Thứ hai, về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân:

Hoàn thiện giáo dục hệ thống quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo và giữa các hình thức giáo dục, đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và hội nhập quốc tế.

a) Rà soát điều chỉnh hệ thống giáo dục quốc dân theo các cấp học và trình độ đào tạo.

b) Rà soát việc thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia, đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động quốc tế; ưu tiên đầu tư phát triển một số trường và ngành đào tạo chất lượng cao.

c) Triển khai phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở giáo dục phổ thông; phân loại các cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu, ứng dụng và thực hành.

d) Tiếp tục triển khai việc sắp xếp các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và trung tâm dạy nghề cấp huyện.

đ) Ban hành trình độ quốc gia phù hợp với khung trình độ của khu vực và thế giới.

Thứ 3, về đổi mới chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo:

Triển khai đổi mới chương trình giáo dục theo hướng hiện đại, thiết thực, phát triển năng lực và phẩm chất người học; chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức lối sống; nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; phát triển khả năng sáng tạo và ý thức tự học.

a) Rà soát, hoàn thiện chương trình giáo dục mầm non bảo đảm mục tiêu giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1. Triển khai chương trình hướng dẫn chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình và các nhóm trẻ độc lập, tư thục.

b) Xây dựng và phê duyệt chương trình giáo dục phổ thông mới theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, chú trọng việc tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế nhằm giáo dục đạo đức, lối sống và rèn luyện kỹ năng cho học sinh.

c) Khuyến khích cá nhân tổ chức tham gia biên soạn sách giáo khoa (in sách và sách điện tử) trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, sử dụng thống nhất trong toàn quốc. Xây dựng hệ thống ngân hàng bài giảng điện tử để giáo viên và học sinh có thể tham khảo trong quá trình giảng dạy và học.

d) Rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo và nhân lực của từng ngành, nghề, địa phương toàn xã hội theo hướng tăng cường năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội. Triển khai cơ chế phối hợp giữa các trường đảm bảo chất lượng, thống nhất chương trình, giáo dục theo từng ngành, nhóm ngành, nhóm nghề đào tạo. Phát triển các chương trình giáo dục

thường xuyên đáp ứng nhu cầu của người học và chuyển đổi ngành nghề của xã hội.

đ) Đổi mới chương trình giáo dục công dân, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lenin tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục chính trị quốc phòng - an ninh trong các cấp học và trình độ đào tạo; giáo dục kĩ năng sống với nội dung thiết thực và các hình thức linh hoạt hiệu quả.

e) Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, khoa học, giáo dục và khoa học quản lý; xây dựng và triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về giáo dục, đào tạo và dạy nghề, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong học sinh, sinh viên.

Thứ tư, về đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực của người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển.

a) Đối với việc tổ chức thi, công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh cao đẳng, đại học, tiến tới tổ chức một kỳ thi chung, lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và làm tuyển sinh đào tạo nghề và đào tạo cao đẳng, đại học, thành lập các trung tâm khảo thí độc lập.

b) Tăng cường quản lý chất lượng đầu ra ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học đảm bảo chất lượng nguồn lực theo yêu cầu của thị trường lao động.

c) Xây dựng cơ chế xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nghề, đào tạo cao đẳng, đại học hằng năm trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động, năng lực đào tạo và tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

d) Định hướng tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục trên phạm vi cả nước và từng địa phương; tham gia các kỳ thi quốc gia, về chất lượng giáo dục phổ thông để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp, nâng cao chất lượng giáo dục.

đ) Định kỳ kiểm định và công khai kết quả kiểm định các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề và các chương trình đào tạo, dạy nghề và các chương trình đào tạo; thành lập các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục và trung tâm đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

e) xây dựng quy chế đào tạo theo hướng người học được bảo lưu kết quả học tập để học liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Thứ 5, về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ, công chức viên chức quản lý giáo dục (sau đây viết tắt là cán bộ quản lý giáo dục):

Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

a) Sắp xếp, kiện toàn hệ thống và điều chỉnh nhiệm vụ các cơ sở đào tạo giáo viên, cơ sở bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, tập trung chỉ đạo và triển khai đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

b) Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình, sách giáo khoa mới. Xây dựng và triển khai bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

c) Nghiên cứu, đề xuất chính sách tiền lương nhằm khuyến khích thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành Giáo dục và Đào tạo: mức lương nhà giáo được hưởng trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp; phụ cấp theo tính chất công việc, theo vùng; phụ cấp thâm niên nghề nghiệp tính cho thời gian trực tiếp giảng dạy. Xây dựng cơ chế tín dụng để tạo điều kiện về nhà ở và học tập nâng cao trình độ cho giáo viên, giảng viên trẻ.

d) Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà giáo đầu ngành ở các cấp học và trình độ đào tạo phù hợp với điều kiện của Việt Nam và từng bước hội nhập quốc tế; nghiên cứu, hoàn thiện quy định về bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

đ) Thu hút các nghệ nhân, nghệ sĩ tài năng, người có kinh nghiệm thực tiễn lâu năm trong ngành, có tay nghề cao tham gia giảng dạy, truyền nghề tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

e) Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống nhà giáo và vị trí việc làm; chế độ làm việc của nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

g) Xây dựng cơ chế khuyến khích cán bộ nghiên cứu khoa học tham gia giảng dạy và giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên và đội ngũ cán bộ nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

Thứ sáu, về đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề, đặc biệt đối với giáo dục mầm non, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

a) Sửa đổi, bổ sung cơ chế đầu tư, ưu đãi về đất đai, vốn để hỗ trợ các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề ngoài công lập; cơ chế cho thuê cơ sở vật chất để phát triển giáo dục mầm non, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập.

b) Khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề; phối hợp giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo dạy nghề với các cá nhân; doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

c) Bảo đảm công bằng về mọi chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên giữa cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

d) Xây dựng chính sách hỗ trợ nhà giáo trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề công lập và ngoài công lập.

đ) Xây dựng cơ chế và lộ trình điều chỉnh học phí theo hướng linh hoạt, trên cơ sở chất lượng và chi phí đào tạo để phát huy năng lực của từng loại hình cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

Thứ bảy về đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và dạy nghề, trách nhiệm quản lý theo ngành, lãnh thổ của các Bộ, ngành, địa phương và trách nhiệm của các hội, hiệp hội. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Luật giáo dục.

Rà soát, ban hành bổ sung, đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật đánh giá các cấp quản lý, các sở cá nhân trong hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề; tuyển dụng, đãi ngộ, quy hoạch, bổ nhiệm dựa trên kết quả đánh giá thực tế hiệu quả cống hiến và năng lực của người học các ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, kém hấp dẫn nhưng xã hội có nhu cầu; kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Định kỳ rà soát, điều chỉnh dự báo, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý thống nhất trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Hoàn thiện phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo cho các Bộ, ngành, địa phương; thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề một cách thống nhất và hiệu quả, rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế để các cơ quan quản lý giáo dục địa phương được tham gia quyết định trong quản lý nhân sự và các nguồn tài nguyên hình thành giáo dục.

Rà soát, bổ sung nhiệm vụ quản lý nhà nước về nghiên cứu khoa học và công nghệ trong giáo dục, đào tạo dạy nghề, gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo với nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời, phát triển các sản phẩm và giải pháp mới phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Quy định trách nhiệm của các cơ sở sử dụng lao động qua đào tạo trong việc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, hỗ trợ các điều kiện thực hành thực tập trong hoạt động đào tạo.

Củng cố bộ máy thanh tra giáo dục, tăng cường vai trò quyền hạn và trách nhiệm của thanh tra giáo dục.

Xây dựng quy chế quy định trách nhiệm các cấp ủy đảng chính quyền tổ chức chính trị - xã hội trong việc chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề giải quyết các hiện tượng tiêu cực gây bức xúc trong xã hội. Nghiên cứu việc thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo, dạy nghề.

Thứ tám, Về tăng cường cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Đầu tư cho giáo dục, đào tạo đầu tư cho sự phát triển, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Phân bổ ngân sách cho giáo dục, đào tạo được ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư để phát triển giáo dục, đào tạo, dạy nghề ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phân định rõ ngân sách chi cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang.

Thực hiện giao ngân sách giáo dục, đào tạo và dạy nghề dựa trên các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề công lập hiện có, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất rèn luyện thể lực và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên, rà soát, bổ sung cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để đạt yêu cầu tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục mới, đảm bảo quy mô đào tạo không vượt quá khả năng cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, đầu tư xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm, trường dạy nghề chất lượng cao, trường đại học trọng điểm.

Bảo đảm đủ quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt cho việc xây dựng trường học phù hợp với quy hoạch các công trình phục vụ dân sinh.

Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề, hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường không phân biệt công tư, phát triển hệ thống đào tạo từ xa và nguồn học liệu kỹ thuật số.

Thứ chín, về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đào tạo và dạy nghề.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế giáo dục, đào tạo và dạy nghề nhằm tranh thủ các nguồn lực, vận dụng sự chọn lọc và sáng tạo kinh nghiệm của mô hình giáo dục tiên tiến, đẩy nhanh tiến độ đổi mới chương trình và chất lượng đào tạo các trình độ phù hợp với khu vực và quốc tế.

Rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục, đào tạo và dạy nghề phù hợp với điều kiện của Việt Nam từng bước hội nhập quốc tế, nghiên cứu gia nhập các tổ chức về giáo dục.

Hoàn thiện chính sách hợp tác song phương và đa phương về giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Lựa chọn những nước thành công về phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc khu vực ASEAN và thế giới làm đối tác chiến lược, thực hiện liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nước ngoài đã được kiểm định chất lượng, đàm phán, ký kết công nhận bằng cấp, chuyển đổi tín chỉ giữa các nước trong khu vực và thế giới, mở rộng các chương trình trao đổi sinh viên quốc tế.

Triển khai các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo và dạy nghề, xây dựng cơ chế quản lý việc tiếp cận, sử dụng các loại học bổng tài trợ của nước ngoài.

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại Việt Nam và cử chuyên gia, giảng viên của Việt Nam nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học, khuyến khích các tổ chức các nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo dạy nghề ở Việt Nam.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách dạy học tiếng Việt và truyền bá văn hóa, truyền thống của dân tộc cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cho người nước ngoài tại Việt Nam.

Tiếp thu, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục phát triển trong việc xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa và sách giáo dục.

Đối với các lĩnh vực thiết yếu đảm bảo cho chăm lo điều kiện sống của người dân như y tế, việc làm, quyền bình đẳng của phụ nữ và bảo vệ trẻ em, pháp luật Việt Nam cũng đặc biệt chú ý đến việc hợp tác quốc tế, hội nhập quốc tế để phát triển tốt hơn các lĩnh vực này. Luật bảo hiểm y tế năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định Bộ Y tế có trách nhiệm hợp tác quốc tế về bảo hiểm y tế để nâng cao chất lượng trong lĩnh vực này (khoản 9 điều 6), Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 cũng quy định trách nhiệm cho các cơ quan nhà nước (Bộ Y tế) có trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế về khám bệnh chữa bệnh, thừa nhận chứng chỉ hành nghề giữa các nước (điểm g khoản 2 điều 5). Hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này cũng đồng nghĩa với việc quy định trong pháp luật mở cửa thị trường cho nước ngoài tham gia cung

cấp dịch vụ y tế tại Việt Nam theo cam kết của Việt Nam trong WTO và các hiệp định thương mại – thương mại tự do (Hiệp định thương mại Việt Nam và Hoa Kỳ năm 2000, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chi lê năm 2011, Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – Ostraylia và Niu dilan năm 2009,v.v...). Thông qua quá trình mở cửa như vậy tạo sự cạnh tranh nhằm nâng cao chất lượng y tế phục vụ nhân dân của Việt Nam.

Ở lĩnh vực việc làm, Nhà nước cũng đã có những quy định thúc đẩy hợp tác quốc tế và sau này là hội nhập quốc tế. Khoản 2 điều 79 Luật dạy nghề năm 2006 quy định : “Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia là cơ sở để người lao động phấn đấu nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sản xuất, kinh doanh và để người sử dụng lao động bố trí công việc trả lương hợp lí cho người lao động góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực nghề nghiệp”; đồng thời tại Khoản 83 và Điều 87 của luật dạy nghề năm 2006 quy định rõ trách nhiệm hợp tác quốc tế về lao động và các quy định liên quan đến việc làm cũng tiếp cận với tiêu chuẩn chung của quốc tế.

Về quyền bình đẳng của phụ nữ và bảo vệ quyền trẻ em, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận những quy định tiến bộ nhất trong các điều ước quốc tế liên quan. Luật bình đẳng giới năm 2006 đã nội luật hóa đầy đủ Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 và Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 cũng đã thể hiện đầy đủ tinh thần của công ước về quyền trẻ em năm 1989.

Trong lĩnh vực thể dục, thể thao, Điều 4 Luật thể dục, thể thao năm 2006 quy định: Phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực tầm vóc người Việt Nam, góp phần cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về thể thao, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, dân tộc phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Liên quan đến hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, dân tộc, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ và các lĩnh vực khác Nghị quyết số 31- NQ/CP ngày 13-5-2014 của chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính Trị Ban Chấp hành Trung Ương Đảng cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế đã nêu ra và các nhiệm vụ trong giai đoạn mới là:

(a) Rà soát các nội dung cam kết quốc tế của Việt Nam và tình hình triển khai thực hiện, phương hướng tham gia các cam kết quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội giáo dục – đào tạo, khoa học- công nghệ, y tế và lĩnh vực khác để đề xuất lộ trình triển khai thực hiện.

(b) Lồng ghép các hoạt động hội nhập quốc tế vào quá trình xây dựng và triển khai các chiến lược, kế hoạch, đề án về phát triển văn hóa – xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục – đào tạo, lao động, y tế, thể thao..., nhằm tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, tiếp thu kiến thức tinh hoa văn hóa nhân loại, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam với bạn bè quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước,

(c) Xây dựng và triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Tăng cường vai trò chủ động của Việt Nam tại các thể chế, diễn đàn đa phương về văn hóa (tham gia các công ước, các cơ quan của UNESCO, các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN, APEC, ASEM...). Nâng cao chất lượng, thành tích trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao khu vực và thế giới, khai thác tối đa hiệu quả hợp tác du lịch song phương và đa phương phục vụ phát triển bền vững. Tiếp tục triển khai chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020.

(d) Xây dựng và triển khai chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(đ) Triển khai Đề án đóng góp xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN.

(e) Triển khai hiệu quả đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020

(g) Triển khai hiệu quả đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020, các hoạt động hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo trong khuôn khổ các tổ chức khu vực và quốc tế như Hội nghị bộ trưởng giáo dục Á - Âu (ASEMME), hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), tổ chức Bộ trưởng giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO)...

(h) xây dựng và triển khai Chiến lược hội nhập quốc tế về công tác dân tộc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đề án tăng cường hợp tác quốc tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

(i) Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các cam kết trong khuôn khổ các tổ chức chuyên ngành mà Việt Nam là thành viên, nhất là các tổ chức liên chính phủ và các tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc. Tăng cường tham gia các cơ chế hợp tác giải quyết vấn đề môi trường, đề xuất các sáng kiến của Việt Nam nhằm đóng góp tích cực cho nỗ lực chung ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, rừng, nguồn nước, động vật, phòng chống thiên tai...

(k) Mở rộng quan hệ hợp tác nghiệp vụ trao đổi thông tin với các hãng thông tấn, phát thanh truyền hình nước ngoài. Tăng cường tham dự các hiệp hội, diễn đàn đa phương về truyền thông. Củng cố và tăng cường mạng lưới Cơ quan thường trú ở nước ngoài.

(l) Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, văn hóa, thông tin, tuyên truyền, đấu tranh có hiệu quả nhằm hạn chế tác động tiêu cực của hội nhập quốc tế về xã hội, văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Tóm lại, trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, giáo dục- đào tạo, khoa học – công nghệ và một số lĩnh vực khác, hội nhập với những nội dung đầy đủ mới thực sự bắt đầu từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, những tác động của hội nhập quốc tế đến pháp luật điều chỉnh ở những lĩnh vực chưa rõ rệt. Tuy nhiên quá trình mở rộng từ hợp tác quốc tế đến hội nhập quốc tế ở các lĩnh vực đó cũng đã được bắt đầu khá sớm. Điều đó cũng dẫn đến những tác động không nhỏ tới những lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ cũng như một số lĩnh vực khác theo hướng tích cực. Nhận biết rõ ràng nhất có thể thấy ở các lĩnh vực về văn hóa, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ là có nhiều quy định mở hơn, phù hợp và tạo khung pháp lý tốt hơn.

Cũng như hội nhập về chính trị, quốc phòng và an ninh, hội nhập ở các lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, giáo dục – đào tạo, khoa học- công nghệ cũng như một số lĩnh vực khác có những bước đi trên thực tế để hội nhập quốc tế với đúng ý nghĩa của nó là muộn hơn và không sâu, rộng bằng hội nhập kinh tế quốc tế nên tác động tiêu cực hầu như không đáng kể và chưa nhận thấy rõ nét. Mặc dù vậy, cũng có cần rà soát, đánh giá thường xuyên nhằm hạn chế tác động tiêu cực trong điều chỉnh pháp luật, nhằm định hướng phù hợp trong phát triển đối với các lĩnh vực này.